

NHÓM CỔ PHIẾU VỪA VÀ NHỎ HÚT TIỀN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Xu hướng điều chỉnh của thị trường vẫn duy trì. Đối với các hoạt động mua trading, nhà đầu tư nên lựa chọn cổ phiếu có yếu tố cơ bản và tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tốt để giảm thiểu rủi ro.
BÁN	Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu kém hơn thị trường chung nếu có.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

TNG

MUA

↑ 10,16%

VND27.100

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

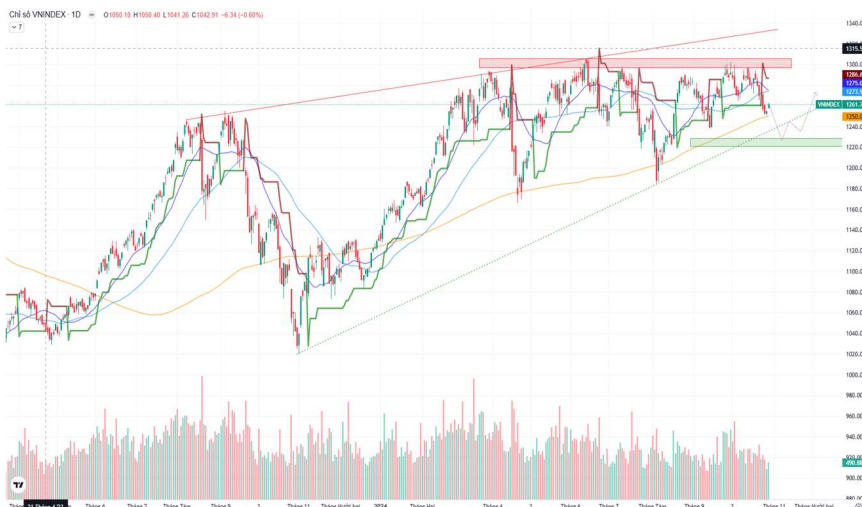
- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba (29/10) trong trạng thái không đồng nhất của các chỉ số, với Nasdaq thiết lập kỷ lục mới.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** TTCK trong nước ghi nhận thêm phiên hồi phục khá tích cực khi duy trì sắc xanh trong suốt cả phiên giao dịch. Đặc biệt, dòng tiền chuyển hướng sang nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, thanh khoản cải thiện so với phiên trước cho thấy tâm lý của nhà đầu tư đã bớt thận trọng hơn. Về kỹ thuật, chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục đà hồi phục kiểm tra lại mức kháng cự 1.270-1.275 điểm. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu Midcaps và Smallcaps có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy, đây là tín hiệu tích cực.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.233,05	-0,36	12,06
S&P 500	5.832,92	0,16	22,29
Nasdaq	18.712,75	0,78	24,66
VIX	19,34	-2,32	55,34
DAX	19.478,07	-0,27	16,28
FTSE 100	8.219,61	-0,80	6,29
CAC40	7.511,11	-0,61	-0,43
Hang Seng	20.586,55	-0,55	20,76

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	NEUTRAL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	42,92	NEUTRAL
MACD (12,26)	-3,64	SELL
ADX (14)	14,52	SELL
SMA5	1.259,52	BUY
SMA20	1.275,06	SELL
SMA50	1.273,98	SELL
SMA100	1.266,11	SELL
SMA200	1.250,02	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Giá dầu thô tiếp tục giảm sau thông tin tích cực về xung đột vũ trang ở Trung Đông.
- Các ngân hàng cho biết NHNN đã chào bán cho các ngân hàng thương mại hàng trăm triệu USD các phiên vừa qua giúp tỷ giá hạ nhiệt. Tính từ ngày 24/10 – thời điểm tỷ giá hối đoái tăng nóng, thì đến nay, giá thu mua USD tại các ngân hàng thương mại giảm 110 đồng/USD, từ 25.220 đồng xuống 25.110 đồng/USD.
- **VHM:** Dữ liệu từ Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) cho thấy CTCP Vinhomes tiếp tục mua 8,8 triệu cp trong ngày 29/10, tương đương 1,9% tổng khối lượng đăng ký. Ước tính theo thị giá 42.750 đồng/cp kết phiên, lượng cổ phiếu này trị giá khoảng 377 tỷ đồng. Lũy kế 5 ngày đầu tiên, số lượng mua lại đã đạt hơn 57 triệu cp, tương đương 15,43% tổng khối lượng đăng ký. Tổng số tiền đã chi khoảng 2.546 tỷ đồng.
- **PVS:** Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam vừa công bố BCTC quý III với 4.820 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ. Tốc độ tăng giá vốn chậm hơn doanh thu giúp lợi nhuận gộp được cải thiện, đạt 334 tỷ đồng, tăng 85% so với quý III/2023. Tính chung 9 tháng, PVS ghi nhận 14.101 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 12% so với cùng kỳ. LNST giảm 17% xuống 707 tỷ đồng.
- **MBB:** Ngân hàng TMCP Quân đội vừa công bố báo cáo tài chính quý III với lợi nhuận trước thuế đạt 7.308 tỷ đồng, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế tăng 3,6% với 20.736 tỷ đồng, thực hiện được 73 - 74% kế hoạch cả năm.
- **HDB:** Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2024 với lợi nhuận trước thuế đạt 4.490 tỷ đồng, tăng 42,7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ở mức 3.546 tỷ đồng, tăng 41%. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận trước thuế của ngân hàng ở mức 12.655 tỷ đồng, tăng 46,6%; lợi nhuận sau thuế là 10.011 tỷ đồng, tăng 45,3%. HDBank đã thực hiện 79,8% kế hoạch cả năm.
- **DGW:** Quý 3/2024, CTCP Thế Giới Số báo cáo DTT đạt trên 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước, nhờ động lực từ mảng điện thoại và thiết bị văn phòng. Lũy kế 9 tháng năm nay, Digiworld đạt doanh thu 16,2 nghìn tỷ đồng và lãi ròng 303 tỷ đồng, lần lượt thực hiện 71% và 62% kế hoạch năm.
- **VPB:** Kết thúc 9 tháng đầu năm, LNTT hợp nhất của VPBank đạt gần 13.900 tỷ đồng, tăng hơn 67% so với cùng kỳ năm 2023. Ngân hàng mẹ, trong đó, đóng góp hơn 13.000 tỷ đồng, trong khi các công ty con tiếp nối đà tăng từ các quý trước.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.781,52	0,24	34,83
Dầu WTI	67,53	0,48	-5,75
Dầu Brent	71,42	0,42	-7,29
Than	145,25	0,52	-0,79
Đồng	9.530,50	-0,12	11,35
Quặng sắt	104,01	-0,75	-24,59
Thép	506,00	0,80	-10,39

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	104,205	-0,11	2,83
USD/JPY	153,15	0,14	-7,91
USD/CNY	7,1276	0,02	-0,39
EUR/USD	1,0823	0,04	-1,96
GBP/USD	1,3019	0,03	2,26

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,00%	07/11/2024	-0,50
ECB	3,65%	17/10/2024	-0,25
BOE	5,00%	07/11/2024	-0,25
BOJ	0,25%	31/10/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VHM	742,05	42.750	0,12
STB	344,74	34.050	0,89
MSN	256,17	78.000	0,13
MWG	630,33	66.500	1,53
HPG	422,94	27.050	1,12

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	514.196,40	92.000	0,00
BID	271.055,73	47.550	0,11
FPT	199.182,77	135.400	0,37
CTG	187.681,21	34.950	0,72
VHM	186.149,21	42.750	0,12

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

TNG

Khuyến nghị
MUA
Giá hiện tại
25.100
Giá mục tiêu
27.100
Tiềm năng tăng giá
10,16%
Vùng giải ngân
24.000-24.600
Ngưỡng cắt lỗ
<23.400

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng đầu năm, TNG đạt 5.884 tỷ đồng doanh thu và gần 241 tỷ đồng lãi sau thuế, tăng lần lượt 8,2% và 47% so với 9 tháng đầu năm 2023. EPS theo đó cũng tăng từ 1.445 đồng/cổ phiếu hồi đầu năm lên 1.966 đồng/cổ phiếu sau 9 tháng.
- Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh chính của TNG đã tăng mạnh nhờ việc tập trung vào khai thác các dòng hàng khó, phức tạp cũng như mở rộng thị trường xuất khẩu. Các đơn hàng xuất khẩu sang các thị trường mới đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

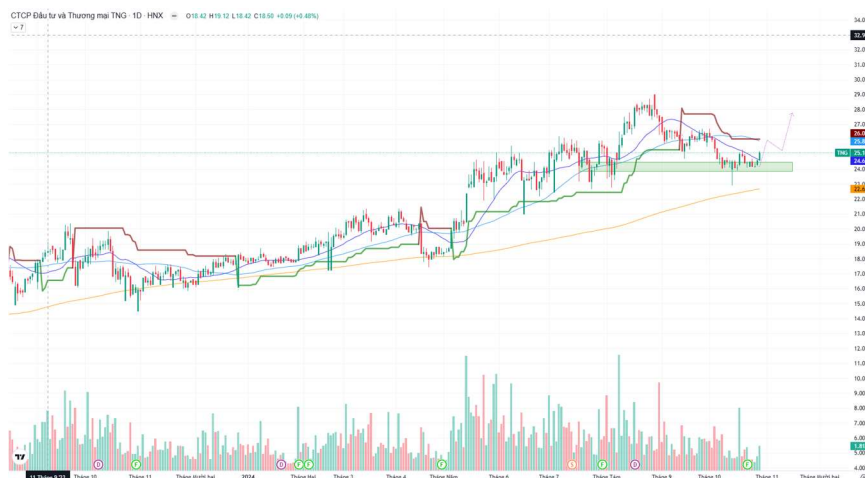
- TNG đang tạo nền giá tích lũy phía dưới đường MA100 ngày. Các chỉ báo kỹ thuật đang cải thiện sức mạnh. Do đó, NĐT có thể theo dõi diễn biến cổ phiếu trong những phiên tới để có hành động phù hợp, vùng mua thăm dò quanh ngưỡng hỗ trợ 24.000-24.600 đồng, tăng tỷ trọng nếu vượt 25.500 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q2 2024
DTT (tỷ đ)	6.772	7.095	2.173
LNTT (tỷ đ)	359	271	107
LNST (tỷ đ)	293	219	88
Nợ/VCSH (%)	162	152	151
ROE (%)	18,50	12,98	15,89
ROA (%)	6,06	4,17	5,42
EPS (VNĐ)	2.332	1.775	2352,61
P/E (lần)	4,9	10,4	10,67
P/B (lần)	0,86	1,32	1,65

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	NEUTRAL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	51,86	BUY
MACD (12,26)	-0,31	SELL
ADX (14)	27,51	BUY
SMA5	24.520	BUY
SMA20	24.620	BUY
SMA50	25.880	SELL
SMA100	25.320	SELL
SMA200	22.680	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	MWG	Nắm giữ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8			1,53%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PC1	Chốt lời	28,2-29	1/7/2024	28,7	32,6	27,6	45633	31,6	10,10%
2	BSR	Chốt lời	21,5-22	5/8/2024	21,5	25,1	20,9	15/8/2024	23,2	7,91%
3	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
4	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
5	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
6	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
7	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
8	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
9	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
10	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
11	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
12	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
13	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
14	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
15	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Ngày 30/1/2024

MICP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-4.12%
Chốt lời 1:(90%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(90%)	21-22	-18-37%
MICP	MSSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Cả hai DCA về 61-62)	
Chốt lời 1:(90%)	Đỉnh 59	-6.5%
Chốt lời 2:(90%)	72-75	-13%-14%
	Nằm giữ	
MICP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-4.4%
Chốt lời 1:(90%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(90%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (đây hiện)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room